



AR-26-VZ-005484-01 / EUVN004-00008360

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VIỆT NAM
Địa chỉ : 170 Lê Văn Khương, phường Thới An, Tp. HCM
Ngày lấy mẫu : 29/04/2026
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu : Nước thải sau xử lý tại mương xả
Tình trạng mẫu : Mẫu lỏng, đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
Mã số mẫu : 607-2026-00003759

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, Kq=0.9, Kf=0.9	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ002 VZ Nhiệt độ	°C	34,2	40	SMEWW 2550B:2023
2	VZ008 VZ Màu	Pt-Co	33	50	SMEWW 2120C:2023
3	VZ001 VZ pH	-	8,21	6-9	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)
4	VZ00B VZ BOD ₅	mg/l	10	24,3	SMEWW 5210B:2023
5	VZ054 VZ COD	mg/l	42	60,75	SMEWW 5220C:2023
6	VZ009 VZ Chất rắn lơ lửng	mg/l	3	40,5	TCVN 6625:2000 (ISO 11923:1997)
7	VZ00U VZ Asen (As)	mg/l	KPH (MDL=0,0005)	0,041	SMEWW 3114C:2023
8	VZ010 VZ Thủy ngân	mg/l	KPH (MDL=0,001)	0,004	SMEWW 3112B:2023
9	VZ0EE VZ Cadimi	mg/l	KPH (MDL=0,01)	0,041	SMEWW 3120B:2023
10	VZ0ED VZ Chì	mg/l	KPH (MDL=0,02)	0,081	SMEWW 3120B:2023
11	VZ05E VZ Crôm VI	mg/l	KPH (MDL=0,005)	0,041	SMEWW 3500-Cr.B:2023
12	VZ00X VZ Crôm III	mg/l	KPH (MDL=0,01)	0,162	SMEWW 3120B:2023 & SMEWW 3500Cr.B:2023
13	VZ0EA VZ Đồng	mg/l	KPH (MDL=0,02)	1,62	SMEWW 3120B:2023
14	VZ0EC VZ Kẽm	mg/l	KPH (MDL=0,02)	2,43	SMEWW 3120B:2023
15	VZ0E7 VZ Niken	mg/l	KPH (MDL=0,02)	0,162	SMEWW 3120B:2023
16	VZ0EB VZ Mangan	mg/l	KPH (MDL=0,02)	0,405	SMEWW 3120B:2023
17	VZ0E9 VZ Sắt	mg/l	0,112	0,81	SMEWW 3120B:2023
18	VZ00M VZ Tổng xianua	mg/l	KPH (MDL=0,002)	0,057	SMEWW 4500-CN-.C&E:2023
19	VZ05B VZ Tổng Phenol	mg/l	KPH (MDL=0,003)	0,081	US EPA method 420.1

AR-26-VZ-005484-01 / EUVN004-00008360- Trang 1 / 2



AR-26-VZ-005484-01 / EUVN004-00008360

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, Kq=0.9, Kf=0.9	PHƯƠNG PHÁP THỬ
20	VZ00S VZ Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (MDL=0,5)	4,05	SMEWW 5520-B&F:2023
21	VZ011 VZ Sunfua	mg/l	KPH (MDL=0,03)	0,162	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023
22	VZ00K VZ Florua	mg/l	1,31	4,05	SMEWW 4500-F.B&D:2023
23	VZ00D VZ Amoni (tính theo N)	mg/l	KPH (MDL=0,5)	4,05	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2023
24	VZ00Q VZ Tổng nitơ	mg/l	11,8	16,2	TCVN 6638:2000 (ISO10048:1991)
25	VZ00P VZ Tổng phospho	mg/l	2,39	3,24	SMEWW 4500-P.B&D:2023
26	VZ00L VZ Clorua (Cl⁻)	mg/l	355	405	SMEWW 4500-Cl-.D:2023
27	VZ012 VZ Clo dư	mg/l	0,71	0,81	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)
28	VZ013 VZ Tổng Coliform	MPN/100 ml	KPH (MDL=2)	3000	SMEWW 9221B:2023

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

KPH: Không phát hiện.

- : Không có giá trị.

Ký tên

Ngày 11 tháng 05 năm 2026

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượngHuỳnh Ngọc Phương Mai
Giám đốc**Ghi chú giải thích**

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.